TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 11 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Giàng Mí Chớ**

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Dung**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp: Ông **Nguyễn Mạnh Cường** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* **Hội Phụ nữ xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang** (là người yêu cầu), địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã S huyện Đ, tỉnh Hà Giang; *Người đại diện theo pháp luật*: Bà **Cao Thị Triều** - Chức vụ: Chủ tịch,(Có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Sùng Mí P** sinh ngày 16/9/1994

- Chị **Giàng Thị S**, sinh ngày 03/3/1994,

Cùng trú tại: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu đề ngày 10/8/2023, cùng các tài liệu kèm theo đơn và tại phiên họp, người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày: Ngày 17/7/2012 Uỷ ban nhân dân xã S thực hiện việc đăng ký kết hôn cho hai công dân là Sùng Mí P, sinh ngày 16/9/1990 và Giàng Thị S sinh ngày 03/3/1993 cùng trú tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Khi thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S không mang theo giấy tờ tùy thân mà chỉ khai bằng miệng với công chức Tư

pháp xã, do sống cùng thôn công chức Tư pháp xã đã chủ quan không xác minh kiểm tra lại đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh P và chị S theo lời anh P khai. Tuy nhiên qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã S không lưu giữ Sổ đăng ký khai sinh từ năm 1990 đến năm 1996 nên không xác định được chính xác ngày tháng năm sinh của anh Sùng Mí P, đến ngày 22/02/2023 anh P mới làm thủ tục đăng ký khai sinh tại Uỷ ban nhân dân xã S tại quyển số 01 năm 2023(giấy khai sinh số 08 ngày 22/02/2023 hiện đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã S). Theo giấy đăng ký khai sinh thì anh Sùng Mí P sinh ngày 16/9/1994;

Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Sùng Mí P chưa đủ 20 tuổi vi phạm khoản 1 Điều 9, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy Hội liên hiệp phụ nữ xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Sùng Mí P có ý kiến: Ngày 17/7/2012 anh và chị Giàng Thị S đến Uỷ ban nhân dân xã S để đăng ký kết hôn khi đến Ủy ban xã để đăng ký kết hôn, do không tìm thấy hộ khẩu gia đình nên anh không mang theo giấy tờ tùy thân mà chỉ khai bằng miệng với công chức Tư pháp xã lúc đó, do là người quen sống cùng thôn nên công chức Tư pháp đã chủ quan không yêu cầu anh phải mang giấy tờ ra để đối chiếu kiểm tra mà đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh và chị S. Anh xác định việc đang ký kết hôn giữa anh và chị S khi anh chưa đủ 20 tuổi là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi. Nay Hội Phụ nữ xã S yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị S là chính xác. Tuy nhiên, đến nay anh và chị S đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, giữa hai anh chị không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác anh đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Giàng Thị S kể từ ngày anh đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Chị Giàng Thị S nhất trí với ý kiến của anh Sùng Mí P, đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị kể từ ngày anh Giàng Mí P đủ điều kiện kết hôn về độ tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã tuân thủ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về giải quyết việc dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm về việc giải quyết việc dân sự: Yêu cầu của Hội Phụ nữ xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S là có căn cứ do anh P vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi. Tuy nhiên, đến nay anh P đã đủ tuổi đăng ký kết hôn, cả anh P và chị S không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác và đều có ý kiến đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh P đủ tuổi kết hôn. Do vậy, đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 9, Điều 11, Điều 15 và Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân

dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S kể từ thời điểm anh P đủ tuổi kết hôn (tức ngày 16/9/2014).Về án phí Dân sự sơ thẩm: Hội Phụ nữ xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn yêu cầu của Hội Phụ nữ xã S, về việc yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung việc dân sự: Ngày 17/7/2012, anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S đến Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang làm thủ tục đăng ký kết hôn. Khi đó, chỉ có chị S đủ tuổi còn bản thân P chưa đủ tuổi kết hôn nên anh P đã không mang theo giấy tờ tùy thân mà chỉ khai bằng miệng với công chức Tư pháp xã nên công chức Tư pháp đã chủ quan không yêu cầu anh phải mang giấy tờ ra để đối chiếu kiểm tra mà đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh và chị S dẫn đến sai sót. Việc Uỷ ban nhân dân xã S đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 17/7/2012 cho anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S khi anh P chưa đủ 20 tuổi là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy Hội Phụ nữ xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Sùng Mí P và chị Giàng Thị S là chính xác.Tuy nhiên, đến nay anh P đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn; giữa anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S không vi phạm điều kiện kết hôn nào; cả hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân, do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S kể từ thời điểm anh Sùng Mí P đủ tuổi kết hôn (tức ngày 16/9/2014)

[3] Về lệ phí: Hội Phụ nữ xã S huyện Đ, tỉnh Hà Giang không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tai điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 371 Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8; điểm d khoản 2 Điều 10; khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 25 do Uỷ ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/7/2012). Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Sùng Mí P và chị Giàng Thị S kể từ ngày 16/9/2014.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Phụ nữ xã S huyện Đ, tỉnh Hà Giang không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ, tỉnh Hà Giang;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Giàng Mí Chớ